TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phượng.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Lê Phú Quý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2024/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 69/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thanh T, sinh năm 1986; Địa chỉ: số A, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987; Địa chỉ: số F, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn Lê Thanh T trình bày:

Chị T và anh Q đăng ký kết hôn ngày 25/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113. Sau khi kết hôn, chị T và anh Q sống hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân

là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thật sự xa nhau từ tháng 4/2023 đến nay, mỗi người có một cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Quá trình chung sống chị T và anh Q có 02 con chung tên Nguyễn Lê Phương T1, sinh ngày 02/5/2013 hiện đang sống chung với anh Q và Nguyễn Lê Hoàng Y, sinh ngày 20/7/2016 hiện đang sống với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Lê Hoàng Y, sinh ngày 20/7/2016, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Chị T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Lê Phương T1, sinh ngày 02/5/2013 cho anh Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Văn Q trình bày:

Anh Q thống nhất với chị T về thời gian kết hôn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh Q không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T vì anh Q còn thương chị T, anh Q mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau lo cho các con. Anh Q thống nhất anh Q và chị T có 02 con chung đúng như chị T trình bày và hiện 02 con đang sống với chị T và anh Q. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, anh Q đồng ý giao cháu Nguyễn Lê Hoàng Y cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không cấp dưỡng nuôi con. Anh Q yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Lê Phương T1, anh Q không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật, bị đơn trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Cho ly hôn giữa chị Lê Thanh T với anh Nguyễn Văn Q. Giao con chung tên Nguyễn Lê Hoàng Y, sinh ngày 20/7/2016 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Lê Phương T1, sinh ngày 02/5/2013 cho anh Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị T và anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và

nợ chung chị T và anh Q không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thanh T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q, yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Lê Hoàng Y, sinh ngày 20/7/2016, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Chị T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Lê Phương T1, sinh ngày 02/5/2013 cho anh Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con, ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Bị đơn anh Nguyễn Văn Q có hộ khẩu và cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn Q đến phiên toà lần thứ hai nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn Q.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thanh T và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện cưới nhau vào năm 2011 và đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 7 năm 2011 và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 113/2011 đã tuân thủ đúng quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, lẽ ra chị T và anh Q phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, chị T và anh Q đã không làm được điều đó, chị T và anh Q thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng sống xa nhau từ tháng 4 năm 2023 đến nay mỗi người có một cuộc sống riêng không ai quan tâm cho ai. Hành động và việc làm của chị T và anh Q đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, dẫn đến chị T về nhà cha mẹ ruột sinh sống không còn chung sống với anh Q từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Q, anh Q thì không đồng ý ly hôn, yêu cầu được

đoàn tụ vợ chồng. Tuy nhiên từ khi vợ chồng xa nhau đến nay anh Q cũng không có cách nào hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau, nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận và quyết định cho ly hôn giữa chị Lê Thanh T với anh Nguyễn Văn Q.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Q có 02 con chung tên Nguyễn Lê Phương T1, sinh ngày 02/5/2013 và Nguyễn Lê Hoàng Y, sinh ngày 20/7/2016 hiện đang sống với chị T và anh Q.

Xét thấy, cháu T1 đã hơn 07 tuổi và có nguyện vọng muốn sống với cha là anh Nguyễn Văn Q, không yêu cầu mẹ cấp dưỡng sau khi cha mẹ ly hôn, cháu Y cũng đã hơn 07 tuổi và có nguyện vọng muốn sống với mẹ, không yêu cầu cha cấp dưỡng sau khi cha mẹ ly hôn. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Hoàng Y và đồng ý giao cháu Nguyễn Lê Phương T1 cho anh Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng và anh Q cũng đồng ý theo ý kiến của chị T nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và giao cháu Nguyễn Lê Hoàng Y cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Lê Phương T1 cho anh Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị T và anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh Q trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị T trình bày không yêu cầu Toà án giải quyết. Còn anh Q cho rằng do nợ nên chị T bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sống, Toà án đã có văn bản yêu cầu anh Q cung cấp thông tin về nợ chung nhưng anh Q không có văn bản gửi cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp pháp luật như đã nhận định ở các phần trên nên chấp nhận.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Hoàng Y, sinh ngày 20/7/2016 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Lê Phương T1, sinh ngày 02/5/2013 cho anh Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm hôn nhân. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai số 0003685 ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thanh T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối anh Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã B, huyện L, (CNKH 113/2011) (biết);
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (M).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Văn Nhựt Minh